TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Nguyên.
2. Bà Đỗ Thị A.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2024/QĐHPT-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.
Trụ sở: 266 - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 3522/2024/UQ-TGĐ ngày 03/5/2024 của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S).

Bị đơn: Ông Phan Nhựt M, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ: A H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Nhật Kinh K đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 11/6/2019, ông Phan Nhựt M ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 311 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức sử dụng là 55.000.000 đồng, lãi suất là 2.15%/tháng, vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 168.398.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông M đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 119.284.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/6/2020 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng S yêu cầu Toà án buộc Phan Nhựt M phải trả ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 195.716.145 đồng (trong đó dư nợ gốc là 64.918.687 đồng và lãi quá hạn là 130.797.458 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Phan Nhựt M đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng S xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn ông Phan Nhựt M trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Theo xác nhận của Công an P, Quận A do nguyên đơn cung cấp, bị đơn ông Phan Nhựt M có hộ khẩu thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP S uỷ quyền cho của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S và Giấy ủy quyền số 3522/2024/UQ-TGĐ ngày 03/5/2024 của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ủy quyền cho ông Nguyễn Nhật Kinh K tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Nhựt M đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 311 ngày 11/6/2019 của Ngân hàng S với ông Phan Nhựt M được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc:

Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 30/9/2024 của Ngân hàng S cho thấy ông M đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số 436438 - 1677 từ ngày 25/6/2019 đến ngày 25/10/2019 với số tiền 168.398.000 đồng, ông M đã trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi 119.284.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 64.918.687 đồng. Ngày 26/02/2020, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông M do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có quy định *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán"*. Như vậy, ông M không thanh toán số tiền nợ gốc là 64.918.687 đồng cho Ngân hàng S là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông M phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 22 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà ông M đang sử dụng là *"áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại"*, như vậy theo thoả thuận ông M phải chịu lãi suất 3.6%/tháng (150% x 2.4%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu ông M trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 25/3/2020 đến ngày 30/9/2024 là 130.797.458 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông M thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2019 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam.

Do thời hạn ông M không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng S đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phan Nhựt M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 195.716.145 (Một trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, mốt trăm bốn mươi lăm) đồng. Trong đó dư nợ gốc là 64.918.687 (sáu mươi bốn triệu, chín trăm mười tám nghìn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng và lãi quá hạn là 130.797.458 (một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi tám) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2024 cho đến khi ông M thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 311 ngày 11/6/2019 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 9.785.807 (chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ bảy) đồng, ông Phan Nhựt M phải chịu.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.365.118 đồng (bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm mười tám) đồng, theo biên lai thu tiền số 0020080 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hà Thiên Tâm